

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 24/02/2021

"Về việc ly hôn "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huê

Các Hội thẩm nhân dân:- Ông Nguyễn Hữu Cương

- Ông Võ Thành Bê

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2020/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Yến Nh**, sinh năm 1994 (Có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 79, khóm 1, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

2. Bị đơn: Anh **Trần Quốc Th**, sinh năm 1991 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp Vàm Xáng, xã Đông Hưng B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 11/11/2020 nguyên đơn chị Nh trình bày và yêu cầu như sau:

Chị (Nh) và anh Th chung sống với nhau năm 2014, đến năm 2015 đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Hưng B, huyện An Minh và được chứng nhận kết hôn.

Quá trình chung sống thì vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cự cãi làm mất hạnh phúc, chị và anh Th sống ly thân nhau tháng 7 năm 2020 đến

nay. Tình cảm giữa chị và anh Th không thể sống với nhau được nữa nên chị làm đơn khởi kiện xin được ly hôn với anh Th.

- Về con chung: Chị và anh Th có 01 con chung đặt tên Trần Chí Hữu, sinh ngày 02/6/2016. Hiện nay chị Nh đang nuôi. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng.

- Về tài sản và nợ: Chị Nh xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Trần Quốc Th trình bày: Về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, tài sản và nợ đúng như Yến Nh trình bày. Nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Yến Nh nêu ra, về con thì từ khi vợ chồng ly thân đến nay Yến Nh bế con về Trà Vinh sống, do điều kiện kinh tế nên yến Nh phải đi mua bán, bỏ con ở nhà cho người di trông nom nuôi dưỡng 10 đến 15 ngày về thăm con, không trực tiếp nuôi nên sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con, sau này Trần Chí Hữu lớn thì sống với ai người đó nuôi. Nếu anh được nuôi con anh không yêu cầu yến Nh cấp dưỡng, nếu không được nuôi con thì anh Th không cấp dưỡng nuôi con cùng Yến Nh.

Về tài sản và nợ: Anh Th xác định không tài sản, không nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Nh và anh Th thống nhất thỏa thuận với nhau cụ thể như sau: thỏa thuận thuận tình ly hôn nhau, về con anh Th đồng ý giao con cho chị Yến Nh trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nh không yêu cầu anh Th cấp dưỡng, về tài sản và nợ: Chị Nh và anh Th xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

* **Kiểm sát viên phát biểu:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng thì từ khi thụ lý vụ án đến nay bị đơn anh Tâm chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định theo pháp luật Tố tụng dân sự.

* **Ý kiến về giải quyết vụ án:** Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Nh và anh Th đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Hưng B, huyện An Minh năm 2015 nên xác định hôn nhân của anh chị là hợp pháp phù hợp quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng không hợp nhau, nên chị Nh yêu cầu được ly hôn với anh Th, tại phiên tòa hôm nay anh Th đồng ý ly hôn với chị Nh, đồng ý giao con cho chị Nh nuôi dưỡng, anh Th không cấp dưỡng nuôi, tài sản và nợ; không tranh chấp, thấy rằng việc thỏa thuận của chị Nh và anh Th

là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng: Chị Nh và anh Th có đăng ký kết năm 2015, trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị Nh có đơn khởi kiện xin ly hôn, xét thấy, hôn nhân giữa chị Nh và anh Th được xác định là hôn nhân hợp pháp là phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nh đối với anh Th thấy rằng: Tình trạng hôn nhân giữa chị Nh và anh Th đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do cuộc sống vợ chồng không hợp nhau nên đã sống ly thân với nhau một thời gian dài không ai quan tâm gì với nhau, nên chị Nh yêu cầu được ly hôn với anh Th, anh Th đồng ý ly hôn với chị Nh nên HĐXX xét thấy, việc thỏa thuận giữa chị Nh và anh Th là tự nguyện nên chấp nhận ý kiến của kiểm sát viên ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Yến Nh và anh Th theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về con chung: Chị Nh và anh Th xác định có 01 con chung tên Trần Chí Hữu, sinh ngày 02/6/2016, khi ly hôn anh Th đồng ý giao con cho chị Nh nuôi dưỡng, hiện nay cháu Hữu 5 tuổi nên rất cần sự gần gũi chăm sóc của chị Nh nên chấp nhận ý kiến của anh Th, sau khi ly hôn giao cháu Hữu cho chị Nh nuôi dưỡng. Cấp dưỡng chị Nh không yêu cầu anh Th không cấp dưỡng nuôi, nên không xem xét.

[5] Về tài sản, về nợ chung: Chị Nh và anh Th xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Trần Thị Yến Nh và anh Trần Quốc Th.

[2] Về con chung: Giao cháu Trần Chí Hữu, sinh ngày 02/6/2016, cho chị yến Nhnuôi dưỡng (hiện nay Chí Hữu đang sống với chị Nh)

[3] Về cấp dưỡng: Chị Nh không yêu cầu giải quyết, HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản, về nợ chung: Chị Nh và anh Th xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Yến Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) được trừ vào 300.000đ mà chị Nh tạm nộp theo biên lai 0006107 ngày 11/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh, chị Nhi đã nộp xong tiền án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (24/02/3021).

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi;

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông hưng B;
- Chi cục THADS huyện An Minh;

Lê Mỹ Huê